

Số: 364/TB-ĐHTCQTKD

Hưng Yên, ngày 17 tháng 6 năm 2024

THÔNG BÁO
Về chi trả tiền miễn giảm học phí cho sinh viên
Đại học chính quy K9, K10 học kỳ II, K11 năm học 2023 – 2024

Thực hiện chủ trương của nhà trường về chi trả tiền miễn giảm học phí cho sinh viên Đại học chính quy K9, K10 học kỳ II, K11 năm học 2023 – 2024

1. Ngày 17/6/2024 nhà trường chuyển khoản tiền miễn giảm học phí vào tài khoản cá nhân của sinh viên là đối tượng được hưởng chế độ chính sách (Theo QĐ số 266/QĐ-ĐHTCQTKD ngày 07/06/2024). Sinh viên kiểm tra tài khoản của mình, nếu chưa nhận được hoặc có sai sót gì thì báo về phòng Tài chính kế toán (SĐT: 02213.590448) hoặc Cô: Lê Thị Nga (SĐT: 0982762825);

Có danh sách sinh viên K9, K10, K11 và tài khoản thẻ ATM của sinh viên kèm theo thông báo này.

2. Phòng Công tác sinh viên, Cố vấn học tập, ban cán sự các lớp thông báo cho sinh viên lớp mình biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu; HĐT;
- Như mục 2;
- Công TTĐT
- Lưu: VT, TCKT.

TL.HIỆU TRƯỞNG
KT.TRƯỞNG PHÒNG
PTP. TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

ThS. Phạm Văn Hưng

Phụ lục

DANH SÁCH SINH VIÊN K9, K10 HỌC KỲ II, K11 ĐƯỢC MIỄN GIẢM HỌC PHÍ NĂM HỌC 2023-2024

(Kèm theo Thông báo số 364 /TB-ĐHTCQTKD ngày 17 tháng 6 năm 2024
của trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh)

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Số tiền MG	Số TK của sinh viên	Ghi chú
Khóa K9						55.856.600		
1	0901020808	Đường Thị Minh Thư	06-09-2003	KD9D	DTTS-ĐBKK	5.321.400	2405220124929	
2	0901010293	Ma Tuấn Khanh	20-06-2003	KD9G	DTTS-ĐBKK	5.321.400	2405220122187	
3	0901020940	Phạm Minh Hằng	13-03-2003	KD9H	CTB	7.602.000	2405220120911	
4	0901020329	Nguyễn Thùy Trang	28-05-2003	KD9M	TNLD	3.801.000	2405220122447	
5	0901010706	Quách Thị Tuyết	02-10-2003	TC9B	DTTS-ĐBKK	5.574.800	100876201681	
6	0901080373	Nguyễn Ánh Dương	19-08-2003	TM9A	CTB	7.602.000	2405220119097	
7	0901030973	Chu Diệu Như	11-09-2003	QT9C	Trẻ mồ côi ko nơi nương tựa	7.602.000	103876201612	
8	0901010372	Ma Văn Đức	24-07-2003	NH9A	DTTS-ĐBKK	5.068.000	101876201353	
9	0901010128	Vũ Mai Vy	05-11-2003	TC9A	CTBB	7.964.000	107876201620	
Khóa K10						46.118.800		
1	1001030743	Bùi Thị Hải Yến	28-01-2004	QT10A	CTB	7.964.000	105877622716	
2	1001030466	Đỗ Phương Anh	24-11-2004	QT10B	Khuyết tật	7.964.000	108877622737	
3	1001010869	Hoàng Thị Minh Thu	25-09-2004	NH10A	DTTS-ĐBKK	5.068.000	100877622942	
4	1001031636	Hà Trung Hiếu	28-11-2004	QM10A	DTTS-ĐBKK	5.574.800	106877623017	
5	1001020141	Ngô Thu Hương	12-03-2003	KD10C	TNLD	3.982.000	2405220131136	
6	0810211753	Lý Thị Thanh Tâm	06-08-2002	KD10C	CTB	7.964.000	105872613949	
7	1001021560	Nguyễn Thùy Phương	07-08-2004	KD10E	CTB	7.602.000	2405220128863	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Số tiền MG	Số TK của sinh viên	Ghi chú
Khóa K11						105.559.200		
1	1101020932	Đinh Thị Châm	25-11-2005	KD11G	Trẻ mồ côi ko nơi nương tựa	13.756.000	2405220136123	
2	1101020190	Vũ Thị Nguyệt Minh	11-10-2005	KD11D	Trẻ mồ côi ko nơi nương tựa	13.756.000	2405220133069	
3	1101030564	Lê Mai Hương	11-08-2005	QT11B	CTB	13.756.000	101880374433	
4	1101011284	Hoàng Thị Lam	21-02-2005	NH11A	Hộ cận nghèo	13.756.000	105880381147	
5	1101020706	Cầm Văn Thù	25-01-2005	KD11C	Hộ cận nghèo	12.018.400	2405220135324	
6	1101020139	Hoàng Thị Lệ	21-01-2005	KD11G	DTTS-ĐBKK	9.629.200	2405220135245	
7	1101020511	Lộc Thành Đạt	13-09-2005	KD11D	DTTS-ĐBKK	9.629.200	2405220133568	
8	1101020317	Tô Anh Tuấn	23-04-2004	KD11C	DTTS-ĐBKK	9.629.200	2405220135274	
9	1101010774	Phạm Hoàng Phương Anh	28-11-2004	TC11A	DTTS-ĐBKK	9.629.200	100880374498	
25		Tổng cộng				207.534.600		